

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG - TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 28/5/2016

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
1	Nguyễn Văn Bắc	27/4/1994	Nham Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	7,0	7,0	Khá	2030100	TH000115
2	Nguyễn Mạnh Cầm	11/3/1994	Đức Hương - Vũ Quang - Hà Tĩnh	7,5	3,0	5,3	Trung Bình	2030101	TH000116
3	Lưu Thị Chi	08/5/1976	Đông Anh - Hà Nội	7,5	6,5	7,0	Khá	2030102	TH000117
4	Nguyễn Thị Cừ	22/01/1975	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	7,5	8,3	Giỏi	2030103	TH000118
5	Lê Thị Dịu	03/10/1985	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	6,0	7,3	Khá	2030104	TH000119
6	Trần Thùy Dung	26/4/1995	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	7,5	8,0	Giỏi	2030105	TH000120
7	Ngô Mạnh Dũng	21/9/1981	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	6,0	7,3	Khá	2030106	TH000121
8	Trần Thị Duyên	15/11/1996	Việt Đoàn - Tiên Du - Bắc Ninh	8,5	6,0	7,3	Khá	2030107	TH000122
9	Đinh Thị Duyên	16/02/1990	Vũ Thư - Thái Bình	8,5	6,0	7,3	Khá	2030108	TH000123
10	Nguyễn Bá Dương	11/11/1996	Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,0	3,5	5,3	Trung Bình	2030109	TH000124
11	Dương Thị Thùy Dương	26/6/1986	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	Khá	2030110	TH000125
12	Đoàn Trung Đức	22/01/1993	Giao Long - Giao Thủy - Nam Định	8,0	8,0	8,0	Giỏi	2030111	TH000126
13	Dương Thúy Hà	19/01/1991	Kim Sơn - Gia Lâm - Hà Nội	7,5	6,0	6,8	Trung Bình	2030112	TH000127
14	Lê Thị Hạnh	24/7/1995	Đức Thắng - Hiệp Hòa - Bắc Giang	7,5	3,5	5,5	Trung Bình	2030113	TH000128
15	Nguyễn Thị Hào	02/7/1985	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	Khá	2030114	TH000129
16	Giáp Mai Hằng	26/9/1996	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2030115	TH000130
17	Ngô Thị Hằng	13/11/1995	Vân Hà - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	6,0	7,3	Khá	2030116	TH000131
18	Nguyễn Thị Hằng	29/3/1980	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030117	TH000132

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
19	Thân Thị Hiền	04/6/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	7,5	8,0	Giỏi	2030118	TH000133
20	Lộc Xuân Hiếu	17/10/1996	Mai Pha - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	7,5	5,0	6,3	Trung Bình	2030119	TH000134
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	01/02/1995	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	4,5	5,5	Trung Bình	2030120	TH000135
22	Nguyễn Thị Thu Hoa	14/10/1977	Tuyên Quang	9,0	7,0	8,0	Giỏi	2030121	TH000136
23	Thân Việt Hoàng	20/02/1996	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	4,5	5,8	Trung Bình	2030122	TH000137
24	Thân Minh Hoàng	31/8/1995	Sơn Đà - Ba Vì - Hà Nội	8,0	4,5	6,3	Trung Bình	2030123	TH000138
25	Nguyễn Văn Hoàng	05/8/1983	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	7,3	Khá	2030124	TH000139
26	Hoàng Thị Hồng	26/3/1974	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	7,3	Khá	2030125	TH000140
27	Đinh Thị Hợi	27/5/1995	Thụy Hùng - Thạch An - Cao Bằng	7,0	3,5	5,3	Trung Bình	2030126	TH000141
28	Hoàng Văn Hùng	18/3/1996	Kim Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	3,0	5,5	Trung Bình	2030127	TH000142
29	Chu Văn Hùng	10/01/1979	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	Khá	2030128	TH000143
30	Đoàn Mạnh Hùng	17/4/1995	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	Khá	2030129	TH000144
31	Ngô Trí Huy	18/8/1995	P. Mỹ Độ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	5,5	5,0	5,3	Trung Bình	2030130	TH000145
32	Đặng Thu Huyền	03/10/1995	Quỳnh Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	8,0	7,0	7,5	Khá	2030131	TH000146
33	Trần Ngọc Hưng	31/10/1983	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	8,0	8,5	Giỏi	2030132	TH000147
34	Dương Thị Hương	08/02/1995	Ngọc Châu - Tân Yên - Bắc Giang	9,0	4,0	6,5	Trung Bình	2030133	TH000148
35	Nguyễn Thu Hương	21/4/1995	P. Chi Lăng - TP. Lạng Sơn - Lạng Sơn	9,0	5,5	7,3	Trung Bình	2030134	TH000149
36	Trần Thị Diệu Hương	02/6/1986	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	Khá	2030135	TH000150
37	Nguyễn Thị Thu Hường	24/8/1983	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	7,5	8,0	Giỏi	2030136	TH000151
38	Nguyễn Thị Thu Hường	15/4/1994	Mình Tân - Phù Cừ - Hưng Yên	7,5	7,5	7,5	Khá	2030137	TH000152
39	Hoàng Văn Khải	13/4/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	8,0	8,0	8,0	Giỏi	2030138	TH000153
40	Đàm Thị Hương Lan	26/11/1995	Đồng Tiến - Hữu Lũng - Lạng Sơn	7,5	4,0	5,8	Trung Bình	2030139	TH000154
41	Nguyễn Thị Lan	07/9/1996	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,0	7,5	Khá	2030140	TH000155

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
42	Phùng Thị Liễu	13/9/1995	Yên Thịnh - Hữu Lũng - Lạng Sơn	8,0	5,0	6,5	Trung Bình	2030141	TH000156
43	Lương Thùy Linh	04/4/1995	Việt Yên - Văn Quan - Lạng Sơn	8,5	4,5	6,5	Trung Bình	2030142	TH000157
44	Bùi Thị Mỹ Linh	24/4/1995	Tiến Bội - Yên Sơn - Tuyên Quang	9,5	7,5	8,5	Giỏi	2030143	TH000158
45	Lương Thị Ngọc Lý	17/7/1995	Vân Nham - Hữu Lũng - Lạng Sơn	8,0	7,0	7,5	Khá	2030144	TH000159
46	Nguyễn Thị Lý	10/6/1994	Quế Nham - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	6,0	6,8	Trung Bình	2030145	TH000160
47	Phạm Hồng Minh	15/8/1976	Tuyên Quang	8,0	8,0	8,0	Giỏi	2030146	TH000161
48	Nguyễn Trung Nam	24/02/1996	Lương Phong - Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,5	7,5	8,0	Giỏi	2030147	TH000162
49	Vũ Thị Nga	20/3/1995	Bình Minh - Nam Trực - Nam Định	6,0	4,5	5,3	Trung Bình	2030148	TH000163
50	Nguyễn Thị Hồng Nga	27/9/1972	Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	7,0	7,5	7,3	Khá	2030149	TH000164
51	Phan Thị Nga	17/3/1987	Đông Sơn - Yên Thế - Bắc Giang	7,0	7,0	7,0	Khá	2030150	TH000165
52	Ngô Thị Hồng Nga	3/9/1987	Quang Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	7,0	7,3	Khá	2030151	TH000166
53	Lê Hà Ngân	26/5/1994	P. Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	2030152	TH000167
54	Kiều Ngân	20/10/1995	P. Hoàng Văn Thụ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	2030153	TH000168
55	Ngô Thị Ngọc	21/8/1995	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	4,5	6,5	Trung Bình	2030154	TH000169
56	Nguyễn Minh Nhật	10/01/1995	Quảng Minh - Vệt yên - Bắc Giang	8,5	7,0	7,8	Khá	2030155	TH000170
57	Nguyễn Thị Nhật	17/4/1996	Song Liễu - Thuận Thành - Bắc Ninh	8,0	7,0	7,5	Khá	2030156	TH000171
58	Ngô Tuyết Nhi	13/02/1995	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	4,5	6,5	Trung Bình	2030157	TH000172
59	Nguyễn Thị Nhung	09/10/1995	Đông Cao - Phổ Yên - Thái Nguyên	8,0	4,5	6,3	Trung Bình	2030158	TH000173
60	Nguyễn Thị Nhung	13/12/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	Khá	2030159	TH000174
61	Bùi Thị Hồng Nhung	30/12/1995	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,5	6,0	Trung Bình	2030160	TH000175
62	Nguyễn Thị Oanh	03/4/1993	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030161	TH000176
63	Hoàng Thị Phương	01/6/1996	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	5,0	5,8	Trung Bình	2030162	TH000177
64	Nguyễn Nhã Phương	13/8/1995	P. Hoàng Văn Thụ - TP. Bắc Giang - Bắc Giang	9,5	9,0	9,3	Giỏi	2030163	TH000178

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
65	Lê Thị Anh Phương	10/4/1996	Thiệu Thịnh - Thiệu Hóa - Thanh Hóa	5,5	6,0	5,8	Trung Bình	2030164	TH000179
66	Bùi Thị Phương	08/5/1992	Hùng Sơn - Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,5	7,0	7,8	Khá	2030165	TH000180
67	Phạm Thị Phương	26/3/1980	Thanh Tùng - Thanh Miện - Hải Dương	9,0	7,5	8,3	Giỏi	2030166	TH000181
68	Vừ Mí Pó	8/11/1995	Xín Cái - Mèo Vạc - Hà Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030167	TH000182
69	Nguyễn Huy Quang	26/02/1996	Trường Lộc - Can Lộc - Hà Tĩnh	8,5	3,5	6,0	Trung Bình	2030168	TH000183
70	Trần Thị Ngọc Quyên	04/6/1996	Liên Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	5,5	5,5	5,5	Trung Bình	2030169	TH000184
71	Nguyễn Thị Như Quỳnh	09/8/1983	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	7,5	8,5	Giỏi	2030170	TH000185
72	Hoàng Văn Tâm	01/8/1995	Thanh Luận - Sơn Động - Bắc Giang	7,0	4,5	5,8	Trung Bình	2030171	TH000186
73	Lương Thị Thạch	16/6/1983	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030172	TH000187
74	Nguyễn Anh Thái	01/10/1996	P. Phạm Ngũ Lão - TP. Hải Dương - Hải Dương	6,5	4,0	5,3	Trung Bình	2030173	TH000188
75	Thân Thị Thanh	02/4/1981	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	7,0	7,8	Khá	2030174	TH000189
76	Nguyễn Thị Thành	27/7/1976	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030175	TH000190
77	Đỗ Thị Thảo	27/6/1977	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,5	6,5	8,0	Khá	2030176	TH000191
78	Nguyễn Văn Thìn	10/10/1963	Tiên Hưng - Lục Nam - Bắc Giang	8,0	5,0	6,5	Trung Bình	2030177	TH000192
79	Nguyễn Thị Thịnh	28/02/1995	Đông Phú - Lục Nam - Bắc Giang	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	2030178	TH000193
80	Dương Thị Thoa	22/4/1995	Nội Hoàng - Yên Dũng - Bắc Giang	7,5	3,5	5,5	Trung Bình	2030179	TH000194
81	Nguyễn Thị Thơm	20/6/1996	Vô Tranh - Lục Nam - Bắc Giang	8,0	4,0	6,0	Trung Bình	2030180	TH000195
82	Hoàng Bích Thủy	01/8/1996	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	3,0	5,5	Trung Bình	2030181	TH000196
83	Đỗ Thị Thúy	24/11/1995	Ngọc Xá - Quế Võ - Bắc Ninh	8,5	7,0	7,8	Khá	2030182	TH000197
84	Nguyễn Thị Minh Thư	19/10/1982	TT Vôi - Lạng Giang - Bắc Giang	8,0	8,0	8,0	Giỏi	2030183	TH000198
85	Nguyễn Thị Hoài Thương	12/11/1994	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	7,3	Khá	2030184	TH000199
86	Dương Thị Thương	11/02/1979	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	6,5	7,8	Khá	2030185	TH000200
87	Hoàng Thị Tình	23/02/1986	Yên Lư - Yên Dũng - Bắc Giang	6,5	7,5	7,0	Khá	2368505	TH000201

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm TH	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Số hiệu	Số vào sổ
88	Nguyễn Xuân Toan	10/02/1984	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	4,0	8,0	6,0	Trung Bình	2368506	TH000202
89	Hoàng Thị Thu Trang	08/5/1997	P. Quang Trung - TP. Uông Bí - Quảng Ninh	7,0	7,0	7,0	Khá	2368507	TH000203
90	Mùa Thu Trang	17/8/1995	P. Mường Thanh - TP. Điện Biên - Điện Biên	9,0	6,5	7,8	Khá	2368508	TH000204
91	Từ Thị Huyền Trang	06/10/1996	Tiền Phong - Yên Dũng - Bắc Giang	9,5	6,0	7,8	Khá	2368509	TH000205
92	Đình Thành Tuấn	17/5/1995	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	9,0	8,0	8,5	Giỏi	2368511	TH000206
93	Trần Minh Tuấn	28/10/1996	P. Trung Tâm - TX. Nghĩa Lộ - Yên Bái	8,0	3,5	5,8	Trung Bình	2368512	TH000207
94	Hoàng Anh Tùng	11/10/1996	P. Ninh Xá - TP. Bắc Ninh - Bắc Ninh	5,0	5,0	5,0	Trung Bình	2368513	TH000208
95	Hoàng Thanh Tùng	14/01/1995	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	6,5	7,3	Khá	2368514	TH000209
96	Nguyễn Thị Vi	20/10/1996	Nga Lĩnh - Nga Sơn - Thanh Hóa	8,0	3,0	5,5	Trung Bình	2368515	TH000210
97	Hồ Thị Ngọc Vinh	04/9/1995	Quỳnh Nghĩa - Quỳnh Lưu - Nghệ An	8,5	6,0	7,3	Khá	2368516	TH000211
98	Nông Thị Xuân	16/01/1995	Thị Hoa - Hạ Lang - Cao Bằng	8,0	6,0	7,0	Khá	2368517	TH000212
99	Tổng Thị Yến	02/6/1982	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	Khá	2368518	TH000213

Danh sách trên gồm 99 thí sinh

Bắc Giang, ngày 15 tháng 6 năm 2016

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)

Ts. Nguyễn Quang Hà

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NN-TH
(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền